

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-PT.
Ngày 23 tháng 12 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Ái

Ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 30/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2020/QĐXXPT - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Tạ Xuân C**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 3, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: Chị **Cao Thị B**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu 3, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người kháng cáo: Anh Tạ Xuân C - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại tòa án cấp sơ thẩm anh Cương, chị Bình đều trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Xuân C và chị Cao Thị B đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/02/2015 tại trụ sở UBND phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng là bà Dương Thị L tại khu 3, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu

thuần:

Anh C cho rằng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cô B không tin tưởng luôn có những ứng xử ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng đến danh dự cũng như công việc làm của anh C, mặc dù đã được hai bên gia đình góp ý khuyên bảo nhưng cô B không khắc phục được nên anh xin ly hôn.

Chị B cho rằng tuy có phát sinh mâu thuẫn nhưng do chưa hiểu và thông cảm cho nhau, chị B thấy cần phải có thời gian để cả hai bên cùng suy nghĩ lại cùng rút kinh nghiệm khắc phục những thiếu sót của nhau để cùng nhau xây dựng cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy chị B xin đoàn tụ.

- Về con chung: Anh Tạ Xuân C và chị Cao Thị B thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là Tạ Bích N sinh ngày 10/6/2016 và Tạ Gia H sinh ngày 25/10/2018. Anh C có quan điểm nếu ly hôn đặt ra thì giải quyết theo pháp luật. Chị B xin đoàn tụ nên không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung: Anh C khai không có, chị B khai có tài sản là Công ty TNHH X, 01 xe ô tô chở hàng và nhiều tài sản khác tổng giá trị là 1.409.700.000đ (BL28,29), nhưng tại văn bản ngày 14/8/2020 (BL 81) chị B đề nghị chưa yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Về nợ chung: Anh Tạ Xuân C và chị Cao Thị B thống nhất xác định không có.

Tại bản án số 30/2020/HNGĐ-ST ngày 14/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bác yêu cầu xin ly hôn của anh Tạ Xuân C đối với chị Cao Thị B.

2. Về con chung, tài sản chung, công sức đóng góp trong thời gian sống chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Bản án còn tính án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 21/9/2020 anh Tạ Xuân C kháng cáo bản án. Yêu cầu cấp phúc thẩm xử cho ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị được ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng không thể hàn gắn được.

Chị B xác định tình trạng vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại; việc xin đoàn tụ tại cấp sơ thẩm chỉ để cố nín kéo xem có cải thiện được không. Chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh C, chị B thỏa thuận ly hôn anh C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tạ Bích N, chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tạ Gia H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kiểm sát viên đề nghị sửa bản án sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn, công nhận thỏa thuận về việc nuôi con chung. Tài sản chưa giải quyết vì chưa yêu cầu; anh C không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh Tạ Xuân C trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm chị Cao Thị B nhất trí ly hôn. Anh Tạ Xuân C, chị Cao Thị B cũng thỏa thuận về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh C, chị B tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh C, chị B. Đối với tài sản chung anh C, chị B chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Việc sửa bản án sơ thẩm do nguyên nhân khách quan.

[3] Án phí phúc thẩm: Anh Tạ Xuân C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh C tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Sửa bản án sơ thẩm số: 30/2020/HNGĐ-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tạ Xuân C và chị Cao Thị B.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Tạ Xuân C và chị Cao Thị B như sau:

Anh Tạ Xuân C trực tiếp nuôi cháu Tạ Bích N sinh ngày 10/6/2016; chị Cao Thị B trực tiếp nuôi cháu Tạ Gia H sinh ngày 25/10/2018 cho đến khi các cháu trưởng thành lao động tự túc được. Anh C, chị B không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản

trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Tạ Xuân C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001022 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

[2] Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Anh Tạ Xuân C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh C 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0001270 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Tạ Xuân C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001022 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

[2] Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Anh Tạ Xuân C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh C 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0001270 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố Vi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;VA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến